

Bản án số: 47/2017/HSST
Ngày 22/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Sần Quang Sơn
2. Ông Nguyễn Minh Trọng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 47/2017/HSST ngày 31/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Giàng P**; Giới tính: Nam;

Sinh năm 1993 tại xã A, huyện K, tỉnh Lào Cai;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn L, xã A, huyện K, tỉnh Lào Cai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Giàng Lò P2 và bà Hằng D.

Vợ: Thảo S; Có 01 con, sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 30/4/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt

2. Họ và tên: **Thào N**; Giới tính: Nam;

Sinh năm: 1998 tại xã A, huyện K, tỉnh Lào Cai;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn L, xã A, huyện K, tỉnh Lào Cai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Thào D2 và bà Giàng Thị S2;

Vợ: Giàng M; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/4/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt

*** Người bào chữa cho các bị cáo Giàng P và Thào N:**

Bà Bùi Thị N2 - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

*** Người bị hại:** Cháu Lừ Thị S3 - Sinh ngày 26/6/2000. Trú tại: Thôn Y, xã T, huyện I, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

*** Người đại diện hợp pháp của người bị hại:**

- Bà Cư Thị M2 - Sinh năm 1969 (là mẹ đẻ của bị hại).

- Ông Lừ Pao G - Sinh năm 1974 (là bố đẻ của bị hại).

Người được ủy quyền của bà Cư Thị M2 là ông Lừ Pao G.

Đều trú tại: Thôn Y, xã T, huyện I, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Giàng Seo C. Trú tại thôn 4, xã B, thành phố O, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Giàng P, Thào N bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Cuối năm 2016 Giàng P đi làm thuê ở Trung Quốc có gặp và quen với người đàn ông Trung Quốc tên là P3 (không rõ lai lịch, địa chỉ) P3 bảo với P về Việt Nam tìm con gái đưa sang Trung Quốc bán cho P3.

Về Việt Nam, Giàng P gặp Thào N là người cùng thôn L, xã A, huyện K cả hai cùng quen biết với Lừ Thị S3 (sinh ngày 26/6/2000, trú tại: Thôn Y, xã T, huyện I, tỉnh Lào Cai). Ngày 02/4/2017, Thào N nói với Giàng P về việc S3 nhiều lần gọi điện thoại bảo N sang nhà S3 chơi, nếu không sang thì S3 sẽ tìm sang nhà N. Nghe N nói vậy, P liền nảy sinh ý định lừa Lừ Thị S3 đưa sang Trung Quốc bán cho P3 nên đã bảo N lừa S3 rồi cùng đưa sang Trung Quốc bán, N đồng ý. Sáng ngày 03/4/2017, P và N sang Trung Quốc gặp P3 và xin số điện thoại của P3 rồi quay về Việt Nam, sau đó P và N lên nhà Lừ Thị S3, P đứng ngoài đợi còn N vào nhà S3. N bảo S3 là muốn đưa S3 đến một nơi thật xa, S3 đồng ý nên đã vào nhà cắt điện thoại, tháo sim cầm theo để đi cùng N ra ngoài đường thì gặp P đợi ở đó, P chở N và S3 đi từ nhà S3 xuống thôn H, xã U, huyện K. Tại đây P gọi điện thoại cho P3 nói đã đưa được một người con

gái Việt Nam sang Trung Quốc để bán cho P3. P3 hướng dẫn P tiếp tục đi theo lối mòn sang Trung Quốc, đi sâu vào nội địa khoảng 30 phút thì P gặp P3 đi cùng với một người đàn ông trên một xe ô tô đến đón. P3 đưa cho N một bộ quần áo để đưa S3 thay, P, N giao S3 cho hai người đàn ông và lấy 7.000 CNY rồi quay về Việt Nam.

Khoảng 02 ngày sau khi về Việt Nam người nhà của Lừ Thị S3 gọi điện thoại cho P, P đã thừa nhận cùng với Thảo N đưa S3 sang Trung Quốc bán. Biết không thể trốn tránh được nên ngày 08/4/2017 Giàng P và Thảo N đến Công an huyện K đầu thú và khai toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hiện người bị hại Lừ Thị S3 chưa giải cứu được.

Số tiền bán Lừ Thị S3, P sử dụng 3.500 CNY và chia cho N 3.500 CNY, cả hai cùng đổi sang tiền Việt mỗi người được 11.200.000 đồng. N đã mua 01 Điện thoại di động hiệu Sam Sung với giá 350.000đ và tiêu sài cá nhân, còn lại nộp cho cơ quan điều tra 1.090.000đ; P tiêu sài cá nhân còn lại nộp 1.100.000 đồng.

Cáo trạng số 46/KSĐT ngày 30/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Giàng P, Thảo N về tội: "Mua bán người" Theo Điều 119 khoản 2 điểm đ Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Giàng P, Thảo N phạm tội "Mua bán người".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giàng P từ 06 đến 08 năm tù; Xử phạt bị cáo Thảo N từ 05 đến 07 năm tù.

Giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng theo quy định.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Giàng P 05 năm 06 tháng tù; Xử phạt bị cáo Thảo N 05 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu

khác đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 03/4/2017, các bị cáo Giàng P và Thào N đã có hành vi lừa đưa cháu Lừu Thị S3 qua biên giới sang Trung Quốc bán cho người đàn ông tên P3 lấy 7.000.000 CNY. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo về tội “Mua bán người” với tình tiết định khung “Để đưa ra nước ngoài” theo điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do về thân thể, nhân phẩm và danh dự của con người được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Cần phải xử lý các bị cáo thật nghiêm khắc trước pháp luật nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần xem xét, đánh giá tới vai trò của từng bị cáo để có một mức án phù hợp với tính chất, mức độ mà hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo Giàng P là người khởi xướng thực hiện tội phạm, bị cáo là người quen P3 và rủ Thào N cùng lừa cháu Lừu Thị S3 đưa sang Trung Quốc bán. Bị cáo cũng là người trực tiếp cùng với N đưa cháu S3 sang Trung Quốc bán cho P3, khi bán được cháu S3 bị cáo cũng được chia $\frac{1}{2}$ số tiền là 3.500 CNY. Vì vậy đánh giá bị cáo P là người có vai trò chính trong vụ án là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Thào N là đồng phạm với vai trò người thực hành trong vụ án, khi được Giàng P rủ đi lừa cháu S3 đưa sang Trung Quốc bán, bị cáo đã đồng ý ngay và cùng P đi lên nhà S3 ở huyện I, bị cáo là người trực tiếp vào nhà S3 còn P đứng ngoài đợi. Bị cáo cũng trực tiếp cùng P đưa cháu S3 sang Trung Quốc, khi bán được cháu S3 bị cáo cũng được chia $\frac{1}{2}$ số tiền là 3.500 CNY. Vì vậy đánh giá bị cáo N là đồng phạm với vai trò thực hành là có căn cứ đúng pháp luật.

Song hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội trong vụ án này đều chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật phần nào còn hạn chế, thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Lừu Pao G (là người đại diện hợp pháp của người bị hại) yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chi phí tìm kiếm bị hại Lừu Thị S3 là 24.000.000đ, bồi thường tổn thất tinh thần là 72.000.000đ, tổng cộng là 96.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu bồi thường của người đại diện hợp pháp của người bị hại là chính đáng song mức yêu cầu là quá cao chưa hợp lý, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần. Buộc các bị cáo Giàng P và Thào N phải liên đới bồi thường tiền chi phí đi tìm cháu S3 là 16.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần mà bị hại là người chưa thành niên phải gánh chịu bằng 10 tháng lương tối thiểu là 13.000.000 đồng.

Về vật chứng:

Cơ quan điều tra thu giữ của Giàng P:

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 1.100.000đ, số tiền do phạm tội mà có cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu MJphone màu đen, bàn phím, mặt sau không có nắp đậy. Phần bên trong máy có in dòng chữ MJphone, Model: X13. Số IMEI1: 353409057486595, số IMEI2: 353409057486603, S/N: X13/15004911 có dòng chữ MADEIN CHINA, máy đã qua sử dụng, trong máy lắp 02 thẻ sim.

Sim 1: một mặt thẻ sim màu trắng không có chữ số.

Sim 2: một mặt thẻ sim có dòng chữ Vinaphone.

Đây là chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc thực hiện tội phạm cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Cơ quan điều tra thu giữ của Thào N:

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.090.000đ, đây là số tiền do phạm tội mà có cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen - xanh, phần bên trong máy có in dòng chữ SOLOKING MODEL 5620, SỐ IMEI 1: 359454031251875, số IMEI 2: 359454031251883, có dòng chữ MADEIN CHINA, trong máy lắp 01 sim, một mặt thẻ sim có các dãy chữ số: “Vinaphone 89840-20002-16510-26194” điện thoại đã qua sử dụng.

Đây là điện thoại do bị cáo mua bằng tiền thu lời bất chính cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với Chiếc xe mô tô HONDA hiệu RSX BKS 24B2 - 075.xx thu giữ bị can Giàng P, sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định các tài sản trên thuộc sở hữu của ông Giàng Lò P2. Ông P2 không biết việc bị cáo sử dụng tài sản trên vào việc thực hiện tội phạm nên đã trả lại cho chủ sở hữu, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Giàng P, Thào N phạm tội “Mua bán người”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giàng P 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2017.

- Xử phạt bị cáo Thào N 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 592 của Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Giàng P, Thào N phải liên đới bồi thường, cụ thể:

- Bồi thường cho: ông Lừ Pao G 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng chẵn), quy phần cụ thể:

+ Bị cáo Giàng P phải bồi thường 8.000.000đ (Tám triệu đồng chẵn).

+ Bị cáo Thào N phải bồi thường 8.000.000đ (Tám triệu đồng chẵn)

- Bồi thường cho cháu Lừ Thị S3 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng chẵn), quy phần cụ thể:

+ Bị cáo Giàng P phải bồi thường 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

+ Bị cáo Thào N phải bồi thường 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MJphone, màu đen, bàn phím. Mặt sau điện thoại không có nắp đậy. Phần bên trong máy có in dòng chữ Mjphone, Model: X13, số IMEL1: 353409057486595, số IMEL2: 353409057486603, S/N: X13/15004911 có dòng chữ MADE IN CHINA, điện thoại đã qua sử dụng.

+ Số tiền 2.190.000đ (Hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn). Trong đó thu của Giàng P: 1.100.000đ, của Thào N 1.090.000đ.

- Truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ Cửa Giàng P: 10.100.000đ (Mười triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

+ Cửa Thào N: 10.110.000đ (Mười triệu một trăm mười nghìn đồng).

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án của bị cáo Thào N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen - xanh, bàn phím. phần bên trong máy có in dòng chữ SOLOKING MODEL 5620, Số IMEI 1: 359454031251875, số IMEI 2: 359454031251883, có dòng chữ MADE IN CHINA, điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy:

02 thẻ sim Vinaphone; 01 thẻ sim màu trắng không có chữ số.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án (đối với khoản tiền truy thu), người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền bồi thường) mà các bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Giàng P, Thào N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo Giàng P phải chịu 725.000đ (bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Cộng hai khoản là: 925.000 đ (chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Bị cáo Thào N phải chịu 725.000đ (bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Cộng hai khoản là: 925.000 đ (chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cấp cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- CA tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp;
- Trại giam Lào Cai (2);
- Bị cáo (2); Bị hại (niêm yết)
- NBC; Đại diện bị hại (2);
- THA (5);
- Lưu HSPA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Chí Thiện